TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** ---***---	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 72/2017/HSST
Ngày: 31/10/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Vĩnh và ông Nguyễn Đức Vũ.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Trang Vân - Cán bộ toà án.

- Đại diện VKSND huyện Khoái Châu: Ông Nguyễn Hữu Tuấn Anh- KSV.

Hôm nay, ngày 31/10/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2017/HSST ngày 02/10/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2017/HSST-QĐXX ngày 12/10/2017 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 14/TB-TA ngày 18/10/2017 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn Đ – Sinh năm 1987;**

HKTT: Thôn H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1940 và bà: Phạm Thị V (đã chết), có vợ là: Nguyễn Thị C, sinh năm 1988 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011;

-Nhân thân: Năm 2007, bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 04/10/2007.

Bị cáo Đ bị bắt tạm giam từ ngày 10/5/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1988;

Trú tại: Thôn H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa)

Người làm chứng:

- Anh Lê Văn T, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 30 phút ngày 10/5/2017, tại đường bê tông thuộc thôn H, thị trấn K, huyện K, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Khoái Châu phối hợp với Công an thị trấn Khoái Châu làm nhiệm vụ, phát hiện Nguyễn Văn Đ đang điều khiển xe môtô biển số 89H3 – 1249 có biểu hiện nghi vấn tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã yêu cầu Đ dừng xe để kiểm tra. Quá trình kiểm tra, phát hiện 01 đoạn

ống nhựa nhỏ màu xanh, dài khoảng 01cm dán kín hai đầu rơi ra từ lòng bàn tay trái của Nguyễn Văn Đ xuống mặt đường bê tông. Đ khai nhận đó là heroin vừa mua được để mang về sử dụng, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị kiểm tra, phát hiện. Tổ công tác đã cho đoạn ống nhựa trên của Nguyễn Văn Đ vào phong bì niêm phong để gửi đi giám định, đồng thời thu giữ chiếc xe môtô biển số 89H3 – 1249 và chiếc điện thoại Lumina 830 có lắp sim số thuê bao 0869378956 Đ đang sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số 155/PC54 ngày 30/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng bột và cục trong bao niêm phong thu của Nguyễn Văn Đ, có trọng lượng: 0,125 gam, là Heroin.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lumina 830 có lắp sim số thuê bao 0869378956 được xác định là tài sản của Đ sử dụng vào việc phạm tội. Còn chiếc xe mô tô biển số 89H3-1349 là tài sản chung của Đ và vợ là chị Nguyễn Thị C. Chị C không biết Đ sử dụng xe để làm phương tiện phạm tội. Hiện những tài sản trên đang được quản lý tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

Quá trình điều tra Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số: 74/QĐ-VKS-HS, ngày 02/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố: Nguyễn Văn Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (BLHS năm 1999).

Tại phiên toà hôm nay:

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm a, c khoản 1 Điều 41 của BLHS năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/QH14; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (BLHS năm 2015); điểm a, b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003; Đề nghị xử phạt bị cáo Đ từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 03 tháng tù tính từ ngày 10/5/2017; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ; Tịch thu tiêu hủy 0,112 (không phẩy một một hai) gam Heroin hoàn lại sau giám định; Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước giá trị ½ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89H3-1249 kèm theo 01 đăng ký xe mang tên Hoàng Quốc D số 0081545 cấp ngày 27/12/2004, trả lại cho chị Nguyễn Thị C giá trị ½ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89H3-1249; tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lumina 830 có lắp sim số thuê bao 0869378956.

- Bị cáo Đ nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị C trình bày: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89H3-1249 mà bị cáo Đ sử dụng đi mua ma túy là tài sản được chị C mua trong thời kỳ hôn nhân và mục đích chính là để làm phương tiện đi lại

hằng ngày cho cả hai vợ chồng. Việc bị cáo Đ sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi mua ma túy vào ngày 10/5/2017 chị hoàn toàn không biết. Nên, chị đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả chị toàn bộ chiếc xe trên để làm phương tiện đi lại làm việc.

- Người làm chứng anh Lê Văn T đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án anh T đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt anh T tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 192 của BLTTHS vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận vào ngày 10/5/2017, bị cáo có đến đoạn đường bê tông thuộc thôn H, thị trấn K để mua ma túy về sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản làm việc (BL: 19-20); Biên bản niêm phong (BL:21); Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên (BL: 28); Lời khai của người làm chứng anh Lê Văn T (BL: 23-24). Do vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 10/5/2017, tại đoạn đường bê tông thuộc thôn H, thị trấn K, huyện K, Nguyễn Văn Đ đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,125 gam Heroin mục đích để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang. Bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 của BLHS năm 1999. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Nguyễn Văn Đ theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 74/QĐ-VKS-HS, ngày 02/10/2017 là có căn cứ.

Quá trình điều tra, bị cáo Đ khai nhận: Do nghiện chất ma túy nên khoảng 11 giờ 45 phút ngày 10/5/2017, Đ sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Lumina 830 có lắp sim số thuê bao 0869378956 để gọi và hỏi mua ma Túy của Nguyễn Danh E, sinh năm 1981 ở thôn H, thị trấn K qua số thuê bao 0906082781. Đ đã đến nhà E và mua ma túy với số tiền 100.000 đồng rồi được E đưa lại cho 01 đoạn ống nhựa nhỏ màu xanh dài khoảng 1cm dán kín 02 đầu, bên trong chứa chất màu trắng dạng cục và bột, được xác định là Heroin. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập làm việc đối với Nguyễn Danh E nhưng E đều vắng mặt tại địa phương nên không

tiến hành làm việc với E được. Đối với số thuê bao 0906082781, khi tra cứu thông tin thì không xác định được đó là số thuê bao do E đang sử dụng. Do đó, hành vi của Nguyễn Danh E được tách ra để tiếp tục điều tra, xem xét xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo Đ gây nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ: Bị cáo đã vi phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý được luật hình sự bảo vệ. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân và là một trong những nguyên nhân phát sinh ra nhiều tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an. Bản thân bị cáo Đ nhận thức rất rõ tác hại của ma tuý, biết được tàng trữ trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn cơn nghiện, bị cáo đã sẵn sàng vi phạm pháp luật, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của nhà nước. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

Xét về nhân thân: Năm 2007, bị cáo Đ bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 04/10/2007.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải, bố bị cáo là ông Nguyễn Văn B có công trong cuộc khác chiến chống Mỹ cứu nước được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo được áp dụng điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999.

Sau khi xem xét nhân thân, diễn biến vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Đ có nhân thân xấu, năm 2007 đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, nhưng sau khi mãn hạn tù bị cáo đã không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành một người công dân tốt mà còn nghiện chất ma Túy từ năm 2007 cho đến nay. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng sẽ áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/QH14; khoản 3 Điều 7 của BLHS năm 2015. Theo đó, Hội đồng xét xử so sánh các điều khoản tương ứng, cụ thể so sánh khoản 1 Điều 249 của BLHS năm 2015 với khoản 1 Điều 194 của BLHS năm 1999 thì khoản 1 Điều 249 của BLHS năm 2015 quy định một hình phạt nhẹ hơn. Vì vậy, áp dụng quy định có lợi cho bị cáo để quyết định hình phạt nhẹ hơn, đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật cũng như đảm bảo quyền lợi cho bị cáo khi pháp luật có sự thay đổi.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, nghề nghiệp chủ yếu là làm ruộng, thu nhập không ổn định, điều kiện gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội

đồng xét xử quyết định không áp dụng khoản 5 Điều 194 của BLHS là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ được một số vật chứng sau: 0,125g (không phẩy một hai năm) gam Heroin, tuy nhiên sau khi giám định xong thì còn được hoàn lại 0,112 (không phẩy một một hai) gam; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89H3-1249 kèm theo 01 đăng ký xe mang tên Hoàng Quốc D số 0081545 cấp ngày 27/12/2004 và 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Lumina 830 có lắp sim số thuê bao 0869378956.

- Đối với mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật chứng trong vụ án được Nhà nước độc quyền quản lý, cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy 0,112 (không phẩy một một hai) gam Heroin hoàn lại sau giám định.

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 89H3-1249: Mặc dù chị C khai là chị C mua bằng tiền riêng của chị C, nhưng đó là tiền trong thời kỳ hôn nhân với bị cáo Đ và mục đích chị C mua là để làm phương tiện đi lại hằng ngày cho cả hai vợ chồng. Vì vậy, chiếc xe trên được xác định là tài sản chung của bị cáo và vợ bị cáo là chị Nguyễn Thị C. Tuy nhiên, việc bị cáo sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện để đi mua ma túy thì chị C không biết nên cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước giá trị ½ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89H3-1249 kèm theo 01 đăng ký xe mang tên Hoàng Quốc D số 0081545 cấp ngày 27/12/2004, trả lại cho chị C giá trị ½ chiếc xe mô tô nói trên.

- Đối với 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Lumina 830 có lắp sim số thuê bao 0869378956 thuộc sở hữu của bị cáo Đ là phương tiện mà bị cáo Đ dùng để liên lạc mua ma túy nên cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước.

***Về án phí*:** Cần buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1, khoản 2 Điều 99 - Bộ luật tố tụng hình sự.

***Về quyền kháng cáo*:** Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 231, Điều 234 của BLTTHS năm 2003.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 của BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 10/5/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 41 của BLHS năm 1999; điểm a, b khoản 2 Điều 76 của BLTTHS năm 2003.

- Tịch thu tiêu hủy 0,112 (không phẩy một một hai) gam Heroin hoàn lại sau giám định.

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước giá trị ½ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89H3-1249 kèm theo 01 đăng ký xe mang tên Hoàng Quốc D số 0081545 cấp ngày 27/12/2004, trả lại cho chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1988, trú tại thôn H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên giá trị ½ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89H3-1249.

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Lumina 830 có lắp sim số thuê bao 0869378956.

(Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 54/QĐ-VKS ngày 02/10/2017 của VKSND huyện Khoái Châu).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 – BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 của BLTTHS.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án, phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/10/2017).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Khoái Châu;*
- *CA huyện Khoái Châu;*
- *Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *Phòng kiểm tra - TAND tỉnh;*
- *Chi cục thi hành án huyện K/C;*
- *Lưu HS.*

Nguyễn Thị Thu Hương